

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DS-ST

Ngày: 29-6-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Lê Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Trọng Khá và bà Đào Thị Ngâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2012/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2012, về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/QĐXX-ST ngày 18/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm: 1964; Địa chỉ: 27 T, phường M, thành phố T, Phú Yên.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1973; Địa chỉ: thôn Đ, xã H, P, Phú Yên.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Bùi Văn K, sinh năm: 1961; Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện P, Phú Yên.

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1988; Địa chỉ: thôn P, xã H2, huyện T, Phú Yên.

Các đương sự đều vắng mặt (Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2012 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày:

Ngày 07/4/2011, giữa bà (S) và bà Huỳnh Thị T có ký hợp đồng trả góp mua xe máy; người bảo lãnh là ông Bùi Văn K; theo đó bà T mua của bà 01 chiếc xe gắn máy hiệu Suvina, màu đỏ đen, số máy 231894, số khung 001894; còn nợ lại số tiền 13.180.000 đồng, trả góp trong vòng 24 tháng. Khi mua xe, bên mua xe phải ủy quyền cho người đứng tên xe theo chỉ định của bà S ngay lúc mua xe. Ngày 25/6/2012, bà T xác nhận còn nợ lại bà S số tiền 10.000.000 đồng; đến nay chưa trả được khoản nào. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà T, ông K phải trả số tiền còn nợ và lãi 1,125% từ ngày nợ cho đến khi trả nợ xong. Sau khi trả nợ xong thì bà S và bà Nguyễn Thị B (người đứng tên xe theo chỉ định của bà S) sẽ ký giấy bán xe qua cho bà T. Bà S yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt bà cho đến khi có bản án.

\* Bị đơn bà Huỳnh Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn K vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà là nhân viên của Doanh nghiệp tư nhân Thanh S chuyên về mua bán xe máy trả góp từ năm 2009 đến nay. Bà được bà Hồ Thị Thanh S và khách hàng mua xe ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, chứ bà không phải là chủ sở hữu đối với xe này. Khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì bà sẽ liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách. Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà S và đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*\* Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 305, 428, 429, 438, 476 Bộ luật dân sự năm 2005: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ theo hợp đồng mua bán xe và lãi suất theo mức 1,125%/tháng từ ngày nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ mua xe máy trả góp, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong hợp đồng mua bán các bên thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa là nơi cư trú của nguyên đơn có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nên dù bị đơn cư trú tại huyện Phú Hòa, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Huỳnh Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng mua bán xe máy: Ngày 07/4/2011, giữa nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và bị đơn bà Huỳnh Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn K có ký kết Hợp đồng trả góp mua xe máy; theo đó bà T mua của nguyên đơn 01 chiếc xe gắn máy hiệu Suvina, màu đỏ đen, số máy 231894, số khung 001894; còn nợ lại số tiền 13.180.000 đồng, trả góp trong vòng 24 tháng. Người bảo lãnh cho bà T là ông Bùi Văn K.

Tại Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 26/10/2016 của Công an thành phố Tuy Hòa cung cấp: Xe có số máy là 231894, số khung là 001894, có biển số 78P1-69XX, do bà Nguyễn Thị B đứng tên chủ xe. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị B xác nhận mình là nhân viên của nguyên đơn, được nguyên đơn và khách hàng ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe bán cho khách hàng, chứ không phải là chủ sở hữu của xe; là phù hợp với Điều 2 của Hợp đồng *“Khi mua xe trả góp...thì bên mua xe phải ủy quyền cho người đứng tên xe theo chỉ định của bà S... ngay lúc mua xe”*; nên tại thời điểm mua bán, xe thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Hợp đồng giữa bà Hồ Thị Thanh S, bà Huỳnh Thị T và ông Bùi Văn K được lập đúng hình thức, nội dung không trái luật, các bên cùng ký xác nhận; do đó, hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ Giấy cam kết nhận nợ ngày 25/6/2012 (bản gốc) do nguyên đơn cung cấp, xác định: bà T thừa nhận còn nợ bà S số tiền 10.000.000 đồng theo hợp đồng mua xe máy trả góp ngày 07/4/2011. Bà T đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa và không cung cấp được các chứng cứ thể hiện đã trả hết nợ. Do đó, có căn cứ xác định đến ngày 25/6/2012, bà T còn nợ bà S số tiền mua xe là 10.000.000 đồng nên chấp nhận yêu cầu bà S buộc bà T phải trả cho bà S số tiền gốc còn nợ là 10.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 07/4/2011, các bên thỏa thuận lãi chậm trả bằng 2,5%/tháng. Như vậy, thỏa thuận về lãi suất của các bên vượt quá quy định pháp luật nên được điều chỉnh lại theo mức không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố (lãi cơ bản theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm). Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất là

1,125%/tháng trên số tiền chậm trả kể từ ngày chậm trả cho đến khi trả xong là phù hợp nên chấp nhận.

Tiền lãi từ ngày 25/6/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/6/2020 là 08 năm 04 ngày x 10.000.000 đồng x 1,125%/tháng = 10.815.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 20.815.000 đồng.

[5] Xét nghĩa vụ bảo lãnh của ông Bùi Văn K: Theo Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 07/4/2011, ông K ký tên tại mục người bảo lãnh, phù hợp với thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng nên phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh đối với ông K. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn khi bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ.

[6] Khi bị đơn trả xong nợ và có yêu cầu sang tên chủ sở hữu đối với xe mô tô biển số 78P1-69XX thì bà Hồ Thị Thanh S và bà Nguyễn Thị B phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho bị đơn. Bị đơn chịu lệ phí sang tên và thuế trước bạ lần 2 như thỏa thuận trong hợp đồng.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 305, 361, 363, 428, 429, 431, 432, 438, 439 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S số tiền mua xe máy còn nợ tính đến ngày 29/6/2020 tổng cộng là 20.815.000 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng*); trong đó: tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 10.815.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/6/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu người bảo lãnh là ông Bùi Văn K thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn số nợ còn lại.

Sau khi bị đơn trả hết nợ và có yêu cầu sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78P1-69XX thì nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và bà Nguyễn Thị B phải có trách

nhiệm làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bị đơn theo quy định pháp luật. Bị đơn chịu lệ phí sang tên và thuế trước bạ lần 2 như thỏa thuận trong hợp đồng.

**Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị đơn bà Huỳnh Thị T phải chịu 1.041.000 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S 329.500 đồng (*Ba trăm hai mươi chín nghìn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 07092 ngày 31/5/2012 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Lê Mai**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Trọng Khả**

**Đào Thị Ngâm**

**Trần Lê Mai**